

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/KDTM-PT**

Ngày: 16-11-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hưng Bính.

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Minh và bà Thái Thị Hồng Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phụng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2020/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: 02 đường H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K; chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đ; chức vụ: Giám đốc ngân hàng N chi nhánh huyện L (Quyết định quyền số 510 ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Trường H1, sinh năm 1985; chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Theo giấy uỷ quyền số 09 ngày 25/4/2019);

Địa chỉ liên lạc: Ngân hàng N, chi nhánh huyện L, số 76 đường T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Viết S, sinh năm 1984 - Chủ doanh nghiệp tư nhân P; Địa chỉ: 35/130 đường A, Phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Địa chỉ liên lạc: Công trình D số 14,16,18,20 đường K, phường N, thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Viết S: Ông Lê Bá Nhật B,

Địa chỉ: Số 6A/106 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trịnh Thị X, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: 156 đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc T: Ông Lê Đức P sinh Năm 1982,

Địa chỉ: Số 14,16,18,20 đường K, phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Lê Ngọc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-7-2018; Đơn đề nghị kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ngày 17-4-2019, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn Ngân hàng N (Ngân hàng) trình bày như sau: Vào các ngày 29/5/2012, 31/05/2012, 07/6/2012, 28/6/2012, 29/08/2012, 28/9/2012 giữa Ngân hàng N với ông Lê Viết S- Chủ Doanh nghiệp tư nhân P viết tắt (DNTN) đã ký kết với nhau 06 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 5.000.000.000 đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201202754/HĐTD ngày 29/05/2012 vay số tiền là 670.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201202813/HĐTD ngày 31/05/2012 vay số tiền là 830.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201202891/HĐTD ngày 07/6/2012 vay số tiền 700.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201203406/HĐTD ngày 28/6/2012 vay số tiền 2.000.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201204511/HĐTD ngày 29/08/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201204982 ngày 28/09/2012 vay số tiền 600.000.000 đồng. Mục đích vay vốn của bị đơn là để xây dựng các công trình dân dụng, thời hạn vay: Tùy từng hợp đồng tín dụng, từ 05 tháng đến 11 tháng, lãi suất tùy từng hợp đồng, thấp nhất là 1,125%/tháng, cao nhất là 1,416%/tháng. Tài sản thế chấp cho 06 hợp đồng tín dụng là: Quyền sử dụng đất tại số thửa: T08, tờ bản đồ: 06, diện tích: 1.596 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế gắn với hợp đồng thế chấp số 021/05/2012/HĐTC ngày 23/05/2012; Quyền sử dụng đất tại số thửa: T09, tờ bản đồ: 9, diện tích: 353 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế gắn với hợp đồng thế chấp số 005/04/2013/HĐTC ngày 07/05/2013 và xe ô tô con hiệu Toyota Prado mang biển kiểm soát 75K-1111, màu sơn: đen; số khung: 5J-300060395, số máy: 1KZ-1706719) đứng tên Doanh nghiệp tư nhân D do ông Lê Ngọc T làm chủ doanh nghiệp gắn với Hợp đồng thế chấp số 022/06/2012/HĐTC ngày 27/06/2012 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản số 022/05/2012/HĐTC ngày 29/8/2012. Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông Lê Viết S - Chủ DNTN P đã trả được 1.020.000.000 đồng tiền nợ gốc cho Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201203406/HĐTD ngày 28/6/2012. Sau khi trả được số tiền này phía Ngân hàng đã tiến hành xuất tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 75K-1111 màu sơn: đen; số khung: 5J-300060395, số máy: 1KZ-1706719) đứng tên Doanh nghiệp tư nhân D do ông Lê Ngọc T làm chủ doanh nghiệp vì đã bổ sung thêm tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 005/04/2013/HĐTC ngày 07/5/2013. Đối các với hợp đồng tín dụng số 4005LAV201202754/HĐTD ngày 29/05/2012 vay số tiền là.

670.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201202813/HĐTD ngày 31/05/2012 vay số tiền là 830.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201202891/HĐTD ngày 07/6/2012 vay số tiền 700.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201204511/HĐTD ngày 29/08/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201204982 ngày 28/09/2012 vay số tiền 600.000.000 đồng thì bị đơn chưa trả nợ gốc cho ngân hàng nhưng đã trả số tiền lãi là: 629.470.278 đồng, bao gồm hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201203406/HĐTD ngày 28/6/2012. Kể từ ngày 07/05/2014 ông Lê Viết S - Chủ DNTN P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Lê Viết S, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Lê Viết S - Chủ DNTN P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký kết.

Ngày 19/6/2015 khoản vay của bị đơn ông Lê Viết S - Chủ DNTN P đã được bán cho Công ty T và Công ty T đã khởi kiện tại Tòa án để buộc ông Lê Viết S - Chủ DNTN P phải thanh toán cho Công ty T số tiền tính đến ngày 18/10/2018, nợ gốc là: 3.980.000.000 đồng, nợ lãi: 3.811.086.986 đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 19/10/2018 trở về sau. Nếu ông Lê Viết S - Chủ DNTN P không trả được toàn bộ số nợ trên thì phía Công ty T có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án vào ngày 05/3/2019 ông Nguyễn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng do khoản nợ nêu trên đã được Ngân hàng N mua lại của Công ty T vào ngày 23/10/2018. Vì vậy Ngân hàng N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lê Viết S - Chủ DNTN P phải trả cho nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử 20/11/2019 là: 8.431.303.153 đồng, trong đó nợ gốc là: 3.980.000.000 đồng, nợ lãi là: 4.451.303.153 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 21/11/2019 cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp bị đơn ông Lê Viết S - Chủ DNTN P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn K, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 505815 do UBND thị xã H cấp ngày 18/5/2011, vào sổ số: CH00035 đứng tên ông Lê Ngọc T – bà Nguyễn Thị H và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn K, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 260607 do UBND thị xã H cấp ngày 11/01/2013, vào sổ số: CH00007 đứng tên ông Lê Viết S - bà Trịnh Thị X.

Bị đơn ông Lê Viết S - Chủ DNTN P trình bày: Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thì đề nghị Tòa án gặp ông Lê Ngọc T để giải quyết còn ông không biết gì để trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Viết S - Chủ DNTN P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc T, bà Nguyễn Thị H, bà Trịnh Thị X nhiều lần, tuy nhiên tất cả đều vắng mặt nên không có được lời khai của những người này và Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 220, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 301, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số: 08/2016/AL được ban hành theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N.

Buộc ông Lê Viết S - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng N số tiền nợ gốc: 3.980.000.000 đồng. Nợ lãi: 4.451.303.153 đồng (gồm nợ lãi trong hạn: 3.207.015.444 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.244.287.709 đồng). Tổng cộng: 8.431.303.153 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Lê Viết S - Chủ doanh nghiệp tư nhân P chưa thanh toán số tiền nói trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi trên số nợ gốc là 3.980.000.000 đồng, theo mức lãi suất được thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, kể từ ngày 21/11/2019 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ nói trên.

2. Trong trường hợp ông Lê Viết S - Chủ doanh nghiệp tư nhân P, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nói trên và khoản tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng N, có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý và phát mãi tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn K, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 505815 do UBND thị xã H cấp ngày 18/5/2011, vào sổ số: CH00035 đứng tên ông Lê Ngọc T - bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thôn K, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 260607 do UBND thị xã H cấp ngày 11/01/2013, vào sổ số: CH00007 đứng tên ông Lê Viết S - Bà Trịnh Thị X.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ nêu trên, thì ông Lê Viết S - Chủ doanh nghiệp tư nhân P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng N.

3. Về án phí kinh doanh thương mại: Ông Lê Viết S - Chủ doanh nghiệp tư nhân P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 116.431.000 đồng

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T mà người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.823.000 đồng tại biên lai số 006023 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định;

Ngày 18/02/2020, ông Lê Ngọc T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án nói trên cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và Đơn kêu cứu khẩn cấp và bổ sung kháng cáo của ông Lê Ngọc T thì Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Xét hợp đồng thế chấp tài sản của ông Lê Ngọc T bà Nguyễn Thị H đề ngày 23/5/2012 có chữ ký của ông T và bà H đối với thửa đất có diện tích 1596 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Thôn K, xã T, thị xã H, Thửa Thiên Huế, giá trị tài sản là 2.394.000.000 đồng thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ không quá giá trị tài sản, trong đó mức dư nợ số tiền cho vay của các hợp đồng là: 1.700.000.000 đồng. Đến ngày 29/8/2012 giữa Ngân hàng, ông Lê Viết S - Chủ doanh nghiệp tư nhân P và ông Lê Ngọc T đã tự định giá thửa đất nói trên với giá trị là: 3.990.000.000 đồng và phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm cho tất cả nợ gốc và lãi các khoản dư nợ đảm bảo bởi phụ lục hợp đồng này. Hội đồng xét xử thấy rằng việc định giá lại tài sản là thửa đất nói trên và phụ lục hợp đồng thế chấp này không có chữ ký đồng thuận của bà Nguyễn Thị H.

Đây là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ để làm rõ mà lại tuyên xử Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án xử lý tài sản này với giá trị tài sản là 3.990.000.000 đồng là không có căn cứ và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận có sai sót trong quá trình định giá và ký vào phụ lục hợp đồng thiếu sự có mặt của bà

Nguyễn Thị H (vợ của ông Lê Ngọc T) nên có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H.

Xét các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Doanh nghiệp tư nhân P đều được thực hiện trong thời gian từ ngày 29/5/2012 cho đến ngày 28/9/2012 với tổng số tiền vay là 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên hợp đồng thế chấp tài sản của ông Lê Viết S, bà Trịnh Thị X đề ngày 07/5/2013 thế chấp diện tích 353 m<sup>2</sup> đất tại Thôn K, xã T, thị xã H, Thừa Thiên Huế với giá trị tài sản là 1.412.000.000 đồng bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng có mức dư nợ số tiền cho vay là 1 tỷ đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hợp đồng thế chấp này bảo đảm cho món vay nào.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận chỉ lập hợp đồng thế chấp tài sản của ông Lê Viết S và bà Trịnh Thị X để đảm bảo cho các khoản vay trước. Nhưng thực tế trong hợp đồng này không ghi cụ thể là đảm bảo cho khoản vay nào.

Như vậy các hợp đồng thế chấp và phụ lục kèm theo hợp đồng này Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phạm vi bảo lãnh và chưa xác minh thu thập chứng cứ có liên quan tài sản nào được thế chấp cho hợp đồng tín dụng nào, chưa làm rõ trách nhiệm của cá nhân có liên quan đến tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng nên đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét cần hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nói trên và giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho đương sự có kháng cáo nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng là không đúng theo quy định tại điểm 2.2 tiểu mục 2 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Ông Lê Ngọc T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2019/KDTM-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: 02 đường H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K; chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đ; chức vụ: Giám đốc ngân hàng N chi nhánh huyện L (Quyết định quyền số 510 ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Trường H1, sinh năm 1985; chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Theo giấy uỷ quyền số 09 ngày 25/4/2019); địa chỉ liên lạc: Ngân hàng N, chi nhánh huyện L, số 76 đường T, thị trấn P, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế,

- **Bị đơn:** Ông Lê Viết S, sinh năm 1984 - Chủ doanh nghiệp tư nhân P; Địa chỉ: 35/130 đường A, Phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: Công trình D số 14, 16, 18, 20 đường K, phường N, thành phố H, Tỉnh Thừa Thiên Huế,

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trịnh Thị X, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế,

- Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: 156 đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế,

2. Giao hồ sơ vụ án nói trên cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Ngọc T không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Lê Ngọc T số tiền 300.000 đồng do ông Lê Ngọc T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009749 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Hưng Bính**